TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thiều.

2. Ông Nguyễn Văn Thản.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2019 và Quyết hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 19, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thành X, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Người làm chứng: Bà Đoàn Thị R, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-12-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Vào khoảng năm 2018 – 2019 bà Phạm Thị L là cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ xã P phụ trách địa bàn ấp M nên bà L có đứng ra làm thủ tục vay vốn giùm cho một số hộ dân. Đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nên nhiều lần bà L có vay tiền của chị để đáo nợ cho một số hộ dân này, như tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện G có ông Trần Văn T trả tiền vay gốc, lãi khoảng 22.000.000 đồng vào ngày 19-11-2019, bà Phạm Thị T1 trả tiền vay gốc, lãi khoảng 50.000.000 đồng vào ngày 01-10-2018 và ông Đặng Minh D trả tiền vay gốc, lãi khoảng 32.000.000 đồng vào ngày 19-11-2018. Ngoài ra, bà L còn vay tiền của chị để đứng ra trả nợ cho tổ vay vốn của địa bàn mà bà L quản lý cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G với số tiền khoảng 56.000.000 đồng và trả nợ của bà L vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch G với số tiền khoảng 28.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà bà L đã vay của chị là 188.000.000 đồng nên ngày 03-6-2019 bà L có viết giấy cam kết thừa nhận có vay của chị số tiền 176.000.000 đồng. Nhưng do tính toán bị thiếu nên ngày 04-6-2019 bà L có ghi thêm vào giấy cam kết số tiền nợ 12.000.000 đồng cho đúng với số tiền vay 188.000.000 đồng. Theo giấy cam kết bà Liên hứa sẽ trả số tiền nợ trong vòng 06 tháng và hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 0,83%/tháng. Bà L viết giấy cam kết tại nhà của bà Đoàn Thị R nên bà R chứng kiến toàn bộ sự việc hai bên có thỏa thuận với nội dung như trên. Tuy nhiên, kể từ ngày cam kết trả nợ như trên cho đến nay bà L không trả tiền gốc và lãi cho chị, mặc dù chị đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng bà L cố tình tránh né.

Nay chị yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 188.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-6-2019 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Do chị chỉ cho một mình bà L vay tiền và chồng của bà L là ông Võ Thành X không biết đến việc vay tiền này nên chị không yêu cầu ông X có trách nhiệm cùng bà L trả số nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà L không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành X trình bày:

Ông là chồng của bà L và vợ chồng ông đã ly hôn cách nay hơn 10 năm. Hiện ông không biết bà L có còn đăng ký chung hộ khẩu với ông hay không và ông không biết bà L bỏ nhà đi đâu, làm gì. Ông không biết chị V là ai và việc bà L có vay tiền của chị V hay không thì ông không biết. Vì vậy, ông không đồng ý có nghĩa vụ cùng bà L trả cho chị V số tiền nợ mà chị V yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 429, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V đối với bị đơn bà V về việc đòi lại tiền vay gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị V và ông X vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị V khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền vay gốc và lãi nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị V yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 188.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-6-2019 cho đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng. Lý do chị V yêu cầu là vào khoảng 2018 – 2019 bà L vay tiền của chị nhiều lần để đáo nợ cho một số hộ dân thuộc địa bàn ấp M, xã P mà bà L quản lý đã vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện G như hộ ông Trần Văn T, bà Phạm Thị T1, ông Đặng Minh V; Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G và trả tiền của bà L vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch G nhưng cho đến nay bà L không trả nợ gốc và lãi cho chị. Việc bà L viết giấy cam kết thừa nhận nợ của chị vào các ngày 03 và 04-6-2019 có sự chứng kiến của bà Đoàn Thị R.

Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 03-6-2020 bà Đoàn Thị R trình bày bà L có nhiều lần vay tiền của chị V vào khoảng năm 2018 – 2019, nên tại nhà của bà thì bà L có 02 lần viết giấy cam kết trả tiền cho chị V là ngày 03-6-2019 và ngày 04-6-2019, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng và thời hạn trả nợ là trong vòng 06 tháng trước sự chứng kiến của bà R nhưng cho đến nay bà L chưa trả nợ gốc, lãi cho chị V. Tại Văn bản số 41/NHNo.GD-KHKD ngày 12-6-2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện G cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ông Trần Văn T trả tiền gốc lãi 20.897.644 đồng theo chứng từ tất nợ ngày 19-11-2019, bà Phạm Thị T1 trả tiền gốc tiền 51.388.333 đồng theo chứng từ tất nợ ngày 01-10-2018 và ông Đặng Minh V trả tiền gốc lãi 32.784.833 đồng theo chứng từ tất nợ ngày 19-11-2018. Tại Văn bản số 53/CCTLCC-PGD ngày 22-6-2010 của Phòng giao dịch Ngân hàng

Chính sách xã hội huyện G cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ngân hàng thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng chỉ ủy nhiệm cho Tổ trưởng là bà L thu lãi, thu tiền tiết kiệm của hộ vay, ngày 16-4-2015 Ngân hàng có cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng đến ngày 18-01-2018 bà L có trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng và ngày 17-5-2018 trả tiếp số tiền 27.800.000 đồng. Tại Văn bản ngày 08-7-2020 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), chi nhánh Tây Ninh cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ngày 11-6-2018 bà L và ông Võ Thành X có vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch G với số tiền 209.730.000 đồng, thời gian vay từ ngày 13-6-2018 đến ngày 13-3-2019, số tiền lãi mỗi tháng từ 1.800.000 đồng đến 1.900.000 đồng và ngày 17-01-2019 bà L đã tất toán khoản vay xong.

Từ những phân tích như trên, thấy rằng đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, việc bà L vay và chưa trả tiền vay cho chị V là có thật nên chị V yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bà L có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền vay gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04-6-2019 cho đến ngày xét xử (ngày 21-7-2020) là 13 tháng 17 ngày x 188.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 21.169.421 đồng, tổng cộng gốc và lãi 209.169.421 đồng là phù hợp với các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Ghi nhận chị V không yêu cầu ông X có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền nợ trên.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của chị V được Tòa án chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V đối với bà Phạm Thị L về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền 209.169.421 đồng *(Hai trăm lẻ chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi mốt đồng)*, trong đó: Tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi 21.169.421 đồng.

Kể từ ngày 22-7-2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thành án.

2. Ghi nhận chị Vân không yêu cầu ông Võ Thành X có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền nợ trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu 10.458.500 đồng *(Mười triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị V số tiềm tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.934.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0009853 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh